

Bản án số: 37/2017/HSST

Ngày 06 - 10 - 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hải Đăng; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí;
2. Bà Vương Thị Thái; nghề nghiệp: Công chức; nơi công tác: Phòng Y tế huyện Yên Thế, tỉnh B G.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G tham gia phiên tòa:*** Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/HSST ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn V T, sinh năm 1989 (Có mặt);

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản L D, xã X L, huyện Y T, tỉnh B G.

Dân tộc: Kinh; Văn hoá: 11/12;

Nghề nghiệp: Tự do.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965;

Mẹ đẻ: Lê T M, sinh năm 1969;

Vợ: Tần T P Th, sinh năm 1992;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 34/2010/HS – ST ngày 05/8/2010, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Nguyễn V T chưa chấp hành nộp lại tiền thu lợi bất chính 9.000.000 đồng.

Nhân thân: Bản án số 78/2007/ HS- ST ngày 21/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 10/2008/HS- ST ngày 02/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án năm 2007, T phải chấp hành chung hai bản án là 22 tháng tù giam (Bị cáo đã chấp hành xong 02 bản án trên).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 5 năm 2017, tạm giam từ ngày 26 tháng 5 năm 2017. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G.

***Người bị hại:***

1. Chị Phạm T H, sinh năm: 1992 (Có mặt).
2. Chị Lê T H, sinh năm: 1970 (Vắng mặt), bà Hu ủy quyền cho chị Phạm T H, sinh năm: 1992 đại diện.

Cùng địa chỉ cư trú: Bản Đ G, xã X L, huyện Y T, tỉnh B G.

3. Ông Phạm V D, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Bản N C, xã X L, huyện Y T, tỉnh B G.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Q V V, sinh năm :1970 (Vắng mặt).

2. Chị Hoàng T D, sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn C Đ, xã T L, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn N B, sinh năm: 1976 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu II, thị trấn B Đ, huyện V Y, tỉnh B G.

4. Anh Nguyễn V T, sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Bản X Mi, xã X L, huyện Y T, tỉnh B G.

5. Nguyễn V L, sinh năm: 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Bản L D, xã X L, huyện Y T, tỉnh B G.

6. Anh Lương T A, sinh năm: 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn 14, xã H T, huyện T L, thành phố Hải Phòng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn V T biết gia đình chị Phạm T H, tH xuyên đóng cửa không có nhà nên khoảng 20 giờ ngày 11 tháng 5 năm 2017, T nảy sinh ý định đến nhà chị H trộm cắp tài sản. T đi đến nhà Bùi Tiến P, sinh năm 1982 ở bản Làng Trên, xã Xuân L, huyện Yên Thế, tỉnh B G thuê xe ô tô của anh P chở T vào khu vực bản Ven, xã Xuân

L, huyện Yên Thế nhằm xác định vị trí nhà chị H (T nói dối anh P bảo chở đi chơi). Sau khi xác định vị trí nhà chị H thì T bảo anh P chở về nhà anh P, T mua của anh P 01 chiếc xà cày bằng sắt. Sau khi mua được xà cày, T lại bảo anh P chở quay lại khu vực nhà chị H. T để chiếc xà cày cạnh tường nhà chị H rồi bảo anh P chở lên xã Hợp Tiến, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 30 Pt sau thì T bảo anh P chở lên bản Đồng Gián, xã Xuân L, huyện Yên Thế. Đến nơi, T vào nhà Hoàng V G, sinh năm 1996, trú tại bản Nghè, xã Xuân L, huyện Yên Thế chơi và ngủ ở đó, còn P đi xe ô tô về. Khoảng 01 giờ ngày 12 tháng 5 năm 2017, T đi bộ từ nhà anh G rồi đi nhờ xe ô tô tải của người không quen biết đến nhà chị H để trộm cắp. T lấy chiếc xà cày đã để sẵn ở bờ tường trước đó, đi ra phía sau nhà chị H trèo qua cây Lúc Lác sát nhà lên dọc mái nhà đến khu vực tiếp giáp giữa hai gian mái (một mái trước cửa bếp và một mái khu công trình phụ nhà chị H) và làm vỡ một phần viên ngói proximăng. T cậy phần ngói vỡ đặt sang bên cạnh rồi vớt chiếc xà cày xuống trước rồi bám vào cây gỗ đu qua khe hở đó xuống khu bếp và khu công trình phụ nhà chị H. T đã tháo 01 bình nóng lạnh treo trong nhà tắm, 01 máy bơm nước được lắp đặt cạnh nhà tắm. Sau đó, T nhặt chiếc xà cày đi đến cửa lách bằng gỗ phía sau nhà chị H dùng xà cày cạy cửa nhưng không được nên T đã dùng chân đạp gãy then bằng gỗ để đi lên phòng khách. T phát hiện thấy có 01 két sắt loại Việt Tiệp ở gần giường ngủ, T dùng dây điện và móc quần áo buộc phía trong cửa xếp sắt phía trước nhà chị H để phòng bị phát hiện thì người bên ngoài không mở được cửa vào trong nhà. Sau đó, T dùng chiếc xà cày phá két sắt nhưng trong két sắt không có tài sản, T tiếp tục lục tìm trong chiếc tủ quần áo bằng nhựa và lấy được 01 chiếc điện thoại di động Iphone 3 màu đen, 01 chùm Cha khóa, trong đó có 01 Cha khóa xe mô tô. T lấy trên nóc tủ lạnh 02 dây sạc điện thoại; 01 pin sạc dự phòng và tiếp tục lục tìm ở phía góc tường và lấy 01 gói massa, 200.000 đồng tiền lẻ mệnh giá từ 500 đồng đến 5.000 đồng ở trong túi áo treo trên tường. T tiếp tục đi lên gác xếp gỗ lấy 01 bộ phát wifi và 01 túi nilong đựng chặn bên trong có 01 vỏ chặn và 01 vỏ gối màu hồng rồi mang xuống dưới. T lấy 01 chiếc ba lô ở gần giường ngủ rồi đi xuống khu vực trước cửa nhà tắm xách chiếc bình nóng lạnh và chiếc máy bơm nước lên nhà rồi quấn vỏ chặn vào bình nóng lạnh và cho vào túi nilong, cho chiếc máy bơm nước, bộ phát wifi, 02 dây sạc, gói massa vào chiếc ba lô còn chiếc điện thoại di động Iphone 3 và chùm Cha khóa, pin sạc dự phòng và tiền T đút vào túi quần. T ở trong nhà chị H đến buổi trưa ngày 12 tháng 5 năm 2017, T dùng chiếc xà cày cạy cạnh cửa xếp rồi vớt xà cày tại nhà chị H, sau đó đi ra ngoài và kéo cửa xếp lại. T mang toàn bộ tài sản trộm cắp được ra khu vực đình X Lu, xã Xuân L, huyện Yên Thế rồi gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn Ch, sinh năm 1991 ở bản Nghè, xã Xuân L, huyện Yên Thế bảo ra chở T đi có việc nhưng anh Ch nói bận không ra được. Khoảng 15 Pt sau, Hoàng V G đi xe máy chở Nông Văn Đ, sinh năm 1998 ở bản Trại

Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế đến đòi điện thoại tối hôm trước G cho T mượn. Khi thấy G, T nhờ G chở về nhà Nguyễn V C, sinh năm 1993 ở bản Làng Dưới, xã Xuân L, huyện Yên Thế, tỉnh B G, T cầm theo toàn bộ số tài sản đã trộm cắp của nhà chị H nhưng không nói cho G và Đ biết về số tài sản đó. Sau đó T lại bảo anh G chở lên thị trấn Trại Cau, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường đi T đã dùng số tiền 30.000 đồng trong số tiền T trộm cắp được để đổ xăng xe máy cho anh G. Khi đến khu vực xã T L, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên thì T đưa cho G và Đ khoảng 40.000 đồng để cho G và Đ mua nước uống. Một mình T đi vào cửa hàng bán đồ điện nước của anh Hoàng Văn Hơ, sinh năm 1983 ở thôn C Đ, xã T L, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên để bán chiếc bình nóng lạnh và chiếc máy bơm nước nhưng anh H từ chối không mua. Khi đó có anh Q V V, sinh năm 1970 ở cùng thôn với anh H đang ở đó chơi, anh V đồng ý mua chiếc bình nóng lạnh của T với giá tiền là 500.000 đồng. Anh V về gọi vợ là chị Hoàng T D, sang xem và trả tiền cho T. T còn lấy chiếc máy bơm nước ra và bảo anh H, chị Đ mua nhưng không ai mua nên T đã cất vào xe máy của anh G. Sau đó, G điều khiển xe máy chở T và Đ đi về nhà C rồi G và Đ đi về. Khi thấy T mang một số đồ vật, tài sản do trộm cắp được ở nhà chị H đến thì C hỏi về nguồn gốc số tài sản đó thì T nói là trộm cắp được ở nhà chị H, anh C yêu cầu T mang số đồ vật, tài sản đó ra khỏi nhà C. Sau đó khi thấy C không để ý thì T mang cất giấu số tài sản trộm cắp vào bếp nhà C và ngủ ở nhà C.

Do biết chị H có chiếc xe mô tô loại xe ga, T nghĩ chiếc Cha khóa xe mô tô trong chum Cha khóa lấy được tại nhà chị H là Cha khóa của chiếc xe mô tô đó và có thể chị H để xe ở nhà ông Phạm V D, sinh năm 1967, ở bản Nam Cầu, xã Xuân L, huyện Yên Thế (là bố đẻ chị H) nên khoảng 01 giờ ngày 13/5/2017, T mang theo chum Cha khóa lấy ở nhà chị H rồi đi bộ từ nhà C sang nhà ông Dũng. Tại đây, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias biển kiểm soát 20B1-301.38 để ở trong phòng khách tầng 1 nhà đang xây, không có cánh cửa. T đi vào dùng chiếc Cha khóa xe mô tô lấy ở nhà chị H mở được khóa điện, T dắt xe ra khỏi nhà ông Dũng và đi về nhà C. T mở cốp xe thì thấy có một chiếc ví da bên trong có 01 Giấy đăng ký xe mô tô đó mang tên Phạm Thị B, sinh năm 1977 ở Mỹ Hòa, xã C T, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên cùng 01 Giấy chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Phạm V D và giấy tờ khác (T không xem kỹ), T lấy Giấy đăng ký xe mô tô đó rồi vẫn để những giấy tờ còn lại vào chiếc ví da và đút vào túi áo ngực. Khi T mang chiếc xe mô tô trộm cắp được về nhà C thì C hỏi T lấy xe ở đâu ra thì T bảo trộm cắp của chị H thì anh C lại đuổi T đi nên T đi vào trong bếp nhà anh C lấy chiếc máy bơm và số tài sản trộm cắp được để trong ba lô rồi để lên chiếc xe mô tô mà T vừa trộm cắp được bỏ đi. Khi đi qua khu vực Suối Quỳnh thuộc xã Xuân L, huyện Yên Thế thì T

vứt bỏ chiếc ba lô và túi đựng chặn xuống suối rồi tiếp tục đi về hướng Mỏ Trạng, xã Tam Tiến. Trên đường đi thì T gọi điện thoại cho Khoa (tên thật là Vũ Văn Thông, sinh năm 1988, trú tại xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng) rủ đi cùng xuống B Ninh thì Thông đồng ý. T và Thông cùng đi xuống thành phố B Ninh. Trên đường đi, T đã vứt bỏ chiếc ví da mà bên trong có các giấy tờ của ông Phạm V D ở ven đường. Đến sáng ngày 13 tháng 5 năm 2017, T và Thông đến 01 nhà nghỉ ở gần cầu Đại Pc, thành phố B Ninh thuê phòng nghỉ. Sau đó T đưa Thông ra khu vực ngã 6 thành phố B Ninh để Thông đi chơi với bạn còn T mang chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển kiểm soát 20B1-301.38 trộm cắp được đến cửa hàng mua bán xe cũ của anh Nguyễn N B, sinh năm 1976 ở Khu 2, thị trấn B Động, huyện Việt Yên, tỉnh B G và thỏa thuận đổi chiếc xe mô tô kèm theo đăng ký xe trộm cắp của ông Dũng cho anh B để lấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha JupiterV cùng Giấy đăng ký xe của anh B. Khi đổi xe, T ký vào giấy "CAM KẾT BÁN XE MÁY" và có ý đề sai ngày là ngày 13 tháng 5 năm 2012. Sau đó, T mang chiếc xe mô tô đã đổi được của anh B xuống khu vực bến xe B Ninh và bán cho một người không quen biết được số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Sau đó, T vào 01 cửa hàng điện thoại di động trên đường Trần Hưng Đạo, thành phố B Ninh mua thẻ điện thoại rồi bỏ lại chiếc điện thoại Iphone 3 màu đen đã trộm cắp được tại cửa hàng đó. Chùm Cha khóa mà T trộm cắp tại nhà chị H thì T vứt tại khu vực rìa đường thuộc pH Đại Pc, thành phố B Ninh. Ngày 16 tháng 5 năm 2017, T nhờ anh Nguyễn V T mang bán chiếc máy bơm nước trộm cắp được cho anh Nguyễn V L, sinh năm 1982 ở bản Làng Dưới, xã Xuân L, huyện Yên Thế được 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trộm cắp và bán tài sản trộm cắp được T đã ăn tiêu hết. Đối với chiếc pin sạc dự phòng T đã cho Lương T A, sinh năm 1996 trú tại xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, A đã để ở nhà nghỉ ở tỉnh Thái Nguyên và không nhớ tên và địa chỉ của nhà nghỉ này nên không thu hồi được. Ngày 19 tháng 5 năm 2017, T đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B G đầu thú hành vi trộm cắp của gia đình chị H và ông Dũng. T giao nộp: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius màu vàng đen không có yếm, không có biển kiểm soát, có số khung: RLCS5C620-6Y004910; số máy: 5C62-004910; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ ngoài màu đen, 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 121952740 mang tên Nguyễn V T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện T. Tại nhà ông Phạm V D không thu giữ đồ vật gì. Tại nhà chị H thu giữ 01 chiếc xà cày bằng sắt, dài 65 cm, có một đầu uốn cong 7 cm, một đầu đánh bẹt.

Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ của anh Nguyễn N B: Chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển kiểm soát 20B1-301.38 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Thị B; Tạm giữ của chị Phạm T H: 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã bị hư hỏng. Tạm

giữ của anh Q V V: 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI. Tạm giữ của anh Nguyễn V L 01 (một) máy bơm nước nhãn hiệu KASAX; Tạm giữ của anh Nguyễn N B 01 giấy "Cam kết bán xe máy".

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B G ra Quyết định ủy thác điều tra số 15 để ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Ngày 23 tháng 5 năm 2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thế ra Quyết định trưng cầu định giá số 36. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận:

- + 01 (một) máy bơm nước nhãn hiệu KASAX có giá 500.000 đồng;
- + 01 (một) bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI có giá 1.100.000 đồng;
- + 01 (một) gối massa có giá 580.000 đồng;
- + 01 (một) bộ phát wifi có giá 400.000 đồng;
- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 3 vỏ màu đen có giá 300.000 đồng;
- + 01 (một) dây sạc pin loại Samsung có giá 70.000 đồng;
- + 01 (một) dây sạc pin loại Iphone có giá 80.000 đồng;
- + 01 (một) balô có giá 70.000 đồng;
- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA LUVIAS màu đỏ đen, biển kiểm soát 20B1 - 301.38 có giá 12.500.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS, ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận giá trị 01 vỏ chăn và 01 vỏ gối là 200.000 đồng, giá trị 01 sạc pin dự phòng (đã hư hỏng) là 0 đồng và 01 chiếc ví giả da là 5.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 15.805.000đ (Mười lăm triệu tám trăm linh năm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS, ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận giá trị chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp là 1.300.000 đồng.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 135 để giám định số khung, số máy, biển kiểm soát của chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển kiểm soát 20B1-30138 và chữ viết, chữ ký của 01 giấy "CAM KẾT BÁN XE" đề ngày 13/5/2012 phần "Người bán xe" có chữ viết và chữ ký tên Nguyễn V T.

Tại bản Kết luận giám định số 981/KL-PC54, ngày 27/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B G kết luận:

+ Dây số máy 44S1-059715, dây số khung BY- 059716 trên xe mô tô Yamaha Luvias biển số 20B1-30138 gửi giám định không bị hàn ghép, đóng đục lại;

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn V T trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn V T trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 35/QĐ – KSĐT ngày 31 tháng 8 năm 2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố Nguyễn V T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn V T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 33 BLHS: Phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2017;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 xà cày bằng kim loại dài 67cm;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 kết sắt nhãn hiệu Việt – Tiệp bị cày phá;

- Áp dụng khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu masstel vỏ màu đen nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn V T;

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo T phải bồi tH cho chị Phạm T H 3.000.000đ (Ba triệu đồng); bồi tH cho anh Nguyễn N B số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

-Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; và 525.000đ (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát luận tội, bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa, qua xét hỏi, bị cáo Nguyễn V T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại nhà riêng chị H ở bản Ven, xã Xuân L, huyện Yên Thế, tỉnh B G vào đêm ngày 11 tháng 5 năm 2017 gồm 01 máy bơm nước nhãn hiệu KASAX, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI, 01 (một) gói massa, 01 (một) bộ phát wifi, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 3 màu đen, 01 dây sạc pin loại Samsung , 01 dây sạc pin loại Iphone , 01 balô, 01 vỏ chăn, 01 vỏ gối, 01 chùm Cha khóa, 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) với phương thức thực hiện tội phạm như nội dung bản cáo trạng truy tố; bị cáo T cũng thừa nhận trộm cắp của ông Phạm V D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA LUVIAS màu đỏ đen, biển kiểm soát 20B1 - 301.38. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 15.805.000đ (Mười lăm triệu tám trăm linh năm nghìn đồng). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về xóa án tích theo hướng có lợi cho bị cáo nên Bản án số 78/2007/HS- ST ngày 21/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên và Bản án số 10/2008/HS- ST ngày 02/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B G bị cáo đã chấp hành xong, tính đến ngày phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa án tích, nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, là khách thể được luật hình sự bảo vệ. chính vì vậy tại phiên tòa hôm nay cần lên một bản án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[2.1] *Xét về nhân thân bị cáo:* Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, trước lần phạm tội này, bị cáo đã có hai lần bị Tòa án xét xử nhưng đã được xóa án tích, bị cáo còn có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa chấp hành xong nhưng bị cáo tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục.

[2.2] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội nhiều lần, tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

[2.3] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo sống cùng gia đình, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về Trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H là người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi tH 3.000.000đ (Ba triệu đồng); anh Nguyễn N B có đơn đề nghị bị cáo bồi tH 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo tự nguyện đồng ý bồi tH theo yêu cầu của chị H và anh B nên chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo. Số tiền bị cáo bán chiếc bình nóng lạnh cho anh Q V V, bán chiếc máy bơm cho anh Nguyễn V L, anh V, anh Lý không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên không xem xét giải quyết.

[4] *Vật chứng của vụ án*: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H 01 bình nóng lạnh, 01 máy bơm nhãn hiệu KASAX, trả lại cho ông Dũng 01 xe mô tô YAMAHA LUVIAS biển kiểm soát 20B1 - 30138; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị B việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định tại điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 kết sắt đã bị hỏng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần giữ lại để bảo đảm thi hành án; 01 giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[5] Anh Nguyễn N B, khi đòi xe cho T T không nói về nguồn gốc chiếc xe. Đến ngày 19/ tháng 5 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B G thông báo thì anh B mới biết rõ chiếc xe mô tô đó là T trộm cắp và giao nộp chiếc xe mô tô cho Cơ quan điều tra nên không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn N B. Anh Nguyễn V C không biết rõ T mang những tài sản trộm cắp được để trong bếp của gia đình và khi T nói là tài sản trộm cắp thì anh C đã đuổi T đi nên không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn V C. Anh Hoàng V G, Nông Văn Đ được T đưa cho tiền đồ xăng và uống nước, anh G và anh Đ không biết tiền T đưa cho là do T trộm cắp; anh Lương T An không biết chiếc sac pin dự phòng T cho là do T trộm cắp; Anh Q V V và chị Hoàng T D khi mua chiếc bình nóng lạnh không biết là tài sản do T trộm cắp; Nguyễn V T, Nguyễn V L không biết chiếc máy bơm nước là do T trộm cắp. Do vậy không có cơ sở để xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn V T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 42, Điều 45 Bộ luật hình sự; Điều 28, khoản 1, điểm a, điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 76, Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: Nguyễn V T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

Buộc bị cáo phải bồi tH cho chị Phạm T H 3.000.000đ (Ba triệu đồng); bồi tH cho anh Nguyễn N B 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Xử lý vật chứng: Trả lại Nguyễn V T 01 điện thoại di động Mastel nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; trả lại bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn V T. Tịch thu tiêu hủy 01 xà cày, 01 két sắt đã hỏng.

Bị cáo Nguyễn V T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi ở cuối cùng./.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh B G;
- VKSND tỉnh B G;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế ;
- Công an huyện Yên Thế;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thạo**